THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
———	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **53**/2010/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2010*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có d□ới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa ph□ơng

———

THỦ T□ỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Xét đề nghị của Bộ tr- ởng Bộ Công an,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về tr- ớc có d- ới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa ph- ơng.

Điều 2. Đối t□ợng áp dụng

1. Cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ, vào Công an nhân dân từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về tr- ớc, có d- ới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa ph- ơng hiện không h- ởng chế độ h- u trí, chế độ mất sức lao động hoặc chế độ bệnh binh hàng tháng thuộc một trong các tr- ờng hợp sau, đ- ợc thực hiện chế độ trợ cấp hàng tháng quy định tại Điều 4 hoặc trợ cấp một lần quy định tại Điều 5 Quyết định này:

a) Cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân có từ đủ 15 năm đến d- ới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đ- ợc h- ởng chế độ trợ cấp hàng tháng;

b) Cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân có d- ới 15 năm công tác trong Công an nhân dân đ- ợc h- ởng trợ cấp một lần.

2. Cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ, vào Công an nhân dân từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về tr- ớc, có d- ới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa ph- ơng, sau đó công tác ở xã, ph- ờng, thị trấn:

a) Những ng- ời có d- ới 20 năm công tác trong Công an nhân dân, sau đó tiếp tục công tác ở xã, ph- ờng, thị trấn, đã nghỉ việc đang h- ởng chế độ trợ cấp hàng tháng hoặc chế độ h- u trí, đ- ợc h- ởng chế độ trợ cấp một lần.

b) Những ng- ời có từ đủ 15 năm đến d- ới 20 năm công tác trong Công an nhân dân hiện đang công tác ở xã, ph- ờng, thị trấn h- ởng l- ơng từ ngân sách Nhà n- ớc có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, nếu đủ điều kiện h- ởng chế độ h- u trí theo quy định tại Nghị định số 152/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ h- ớng dẫn một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc, đ- ợc thực hiện chế độ trợ cấp một lần; nếu không đủ điều kiện h- ởng chế độ h- u trí theo quy định tại Nghị định số 152/2006/NĐ-CP, đ- ợc thực hiện chế độ trợ cấp hàng tháng.

c) Những ng- ời có d- ới 15 năm công tác trong Công an nhân dân, hiện đang công tác ở xã, ph- ờng, thị trấn h- ởng l- ơng từ ngân sách nhà n- ớc có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, đ- ợc h- ởng chế độ trợ cấp một lần.

Điều 3. Đối t□ợng không áp dụng

1. Những ng- ời đang h- ởng chế độ h- u trí, chế độ trợ cấp hàng tháng (trừ số cán bộ xã đang h- ởng chế độ h- u trí, chế độ trợ cấp hàng tháng), chế độ mất sức lao động hoặc chế độ bệnh binh hàng tháng.

2. Những ng- ời thuộc đối t- ợng áp dụng quy định tại Điều 2 Quyết định này nh- ng đầu hàng địch, phản bội, vi phạm pháp luật bị kết án về một trong các tội xâm phạm an ninh quốc gia mà ch- a đ- ợc xóa án tích hoặc đang chấp hành hình phạt tù chung thân thì không đ- ợc thực hiện các chế độ quy định tại Quyết định này.

3. Đối t- ợng đã đ- ợc h- ởng trợ cấp một lần quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005; khoản 2 Điều 1 Quyết định số 92/2005/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2005 của Thủ t- ớng Chính phủ thì không h- ởng chế độ trợ cấp một lần quy định tại Điều 5 Quyết định này.

Điều 4. Chế độ trợ cấp hàng tháng

1. Trợ cấp hàng tháng đ- ợc tính theo số năm công tác thực tế trong Công an nhân dân: đủ 15 năm đ- ợc trợ cấp 813.614 đồng/ng- ời/tháng, sau đó cứ thêm một năm (đủ 12 tháng) đ- ợc tính thêm 5% trên mức trợ cấp khởi điểm.

Khi Chính phủ điều chỉnh l- ơng h- u, trợ cấp hàng tháng thì mức trợ cấp hàng tháng nêu trên đ- ợc điều chỉnh t- ơng ứng theo quy định của Chính phủ.

2. Ng- ời đ- ợc h- ởng trợ cấp hàng tháng từ trần thì thôi h- ởng từ tháng tiếp theo. Thân nhân của ng- ời từ trần đ- ợc trợ cấp một lần bằng 03 tháng trợ cấp hiện h- ởng của ng- ời từ trần.

Điều 5. Chế độ trợ cấp một lần

1. Trợ cấp một lần đ- ợc tính theo số năm công tác thực tế trong Công an nhân dân: đủ 2 năm trở xuống đ- ợc trợ cấp bằng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); từ năm thứ 3 trở đi, cứ mỗi năm đ- ợc trợ cấp bằng 600.000 đồng.

Tr- ờng hợp có tháng lẻ: d- ới 6 tháng đ- ợc tính bằng một nửa (1/2) mức h- ởng của một năm, từ đủ 6 tháng đến d- ới 12 tháng đ- ợc tính bằng mức h- ởng của một năm.

2. Những ng- ời thuộc đối t- ợng áp dụng quy định tại Điều 2 Quyết định này đã từ trần từ tr- ớc ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì một trong những ng- ời sau đây: vợ hoặc chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, con đẻ, con nuôi hoặc ng- ời nuôi d- ỡng hợp pháp của ng- ời từ trần đ- ợc trợ cấp một lần bằng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Điều 6. Kinh phí bảo đảm

Nguồn kinh phí thực hiện các chế độ quy định tại Quyết định này do ngân sách trung - ơng bảo đảm.

Điều 7. Xử lý vi phạm

1. Việc xác nhận, xét duyệt đối t- ợng h- ởng chế độ quy định tại Quyết định này phải bảo đảm công khai, chặt chẽ, chính xác và thuận tiện.

2. Những ng- ời có hành vi làm sai lệch hoặc giả mạo hồ sơ để h- ởng chế độ thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và phải bồi th- ờng thiệt hại (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Quy định về cộng thời gian tính h□ởng chế độ

1. Cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân đã xuất ngũ, thôi việc về địa ph- ơng có thời gian tham gia Quân đội nhân dân từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về tr- ớc thì thời gian công tác trong quân đội đ- ợc cộng với thời gian công tác trong Công an nhân dân để thực hiện các chế độ quy định tại Quyết định này.

2. Những ng- ời thuộc đối t- ợng áp dụng quy định tại Điều 2 Quyết định này có thời gian công tác trong quân đội nhân dân mà thời gian đó đã đ- ợc thực hiện chế độ quy định tại Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Thủ t- ớng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu n- ớc có d- ới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa ph- ơng thì không đ- ợc cộng thời gian công tác trong quân đội nhân dân vào thời gian công tác trong Công an nhân dân để tính h- ởng chế độ theo Quyết định này. Tr- ờng hợp có nguyện vọng cộng thời gian công tác trong quân đội nhân dân với thời gian công tác trong Công an nhân dân để đủ điều kiện h- ởng chế độ trợ cấp hàng tháng theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định này thì phải nộp lại khoản trợ cấp một lần đã nhận. Tr- ờng hợp đang h- ởng trợ cấp hàng tháng theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg thì đ- ợc bổ sung thời gian công tác trong Công an nhân dân vào thời gian công tác thực tế đ- ợc tính h- ởng trợ cấp hàng tháng để điều chỉnh mức trợ cấp đang h- ởng.

3. Đối t- ợng đã đ- ợc h- ởng trợ cấp một lần quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005; khoản 2 Điều 1 Quyết định số 92/2005/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2005 của Thủ t- ớng Chính phủ đủ điều kiện chuyển sang h- ởng chế độ trợ cấp hàng tháng thì ngành Lao động - Th- ơng binh và Xã hội thực hiện truy thu khoản trợ cấp một lần đã nhận vào ngân sách nhà n- ớc.

Điều 9. Trách nhiệm của các Bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung □ơng

1. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Th- ơng binh và Xã hội, Bộ Tài chính h- ớng dẫn thực hiện Quyết định này; chỉ đạo tổ chức việc xét duyệt, thẩm định, ra quyết định h- ởng chế độ trợ cấp hàng tháng; xét duyệt và chi trả chế độ trợ cấp một lần với đối t- ợng.

2. Bộ Lao động - Th- ơng binh và Xã hội chịu trách nhiệm chỉ đạo tiếp nhận, quản lý và chi trả chế độ trợ cấp hàng tháng đối với đối t- ợng theo quy định.

3. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm bố trí ngân sách hàng năm để thực hiện chế độ và lệ phí chi trả theo quy định của Luật Ngân sách nhà n- ớc.

4. □y ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung - ơng có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện chế độ đối với đối t- ợng.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2010.

2. Chế độ trợ cấp hàng tháng quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định này đ- ợc thực hiện kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2010.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ tr- ởng, Thủ tr- ởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch □y ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung - ơng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

(Đã ký)

Nguyễn Sinh Hùng

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (5b). XH